TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2017
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Trung Thảo.
2. Ông Phan Ngọc Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017, về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị M, sinh năm 1982, có mặt.
Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn*: Phạm Văn X, sinh năm 1983, vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh X chung sống với nhau tháng 9/2000, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, sau đó đến khoảng tháng 4/2014 phát sinh mâu thuẫn đến nay, chị M cho rằng giữa chị và anh X bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày và làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường hay cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không hòa giải được nên đã ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay không hàn gắn được. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị M yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn X.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị M và anh X có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T, sinh ngày 25/3/2003 và Phạm Tấn Đ, sinh ngày 16/01/2006, hiện nay cháu T và cháu Đ đang sống với anh X. Sau khi ly hôn chị M đồng ý giao hai con cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng, chị M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có; Về nợ: Không có.

- Bị đơn anh Phạm Văn X vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án anh X trình bày:

Về hôn nhân: Anh X và chị M sống chung với nhau tháng 9/2000, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc. Nhưng sau đó đến khoảng tháng 4/2014 phát sinh mâu thuẫn không hòa giải được, vợ chồng thường bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống hằng ngày và làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường hay cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không hòa giải được nên đã ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị M có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T, sinh ngày 25/3/2003 và Phạm Tấn Đ, sinh ngày 16/01/2006, hiện nay cháu T và cháu Đ đang sống với anh X. Sau khi ly hôn anh X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có; Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa chị M có mặt khẳng định đã xuất trình đầy đủ chứng cứ cho Toà án xem xét giải quyết vụ án, anh X vắng mặt và không có văn bản thay đổi ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Văn X, trú tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Bị đơn anh Phạm Văn X vắng mặt phiên tòa xét xử lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: giữa anh X, chị M là sống chung với nhau từ tháng 9/2000 hoàn toàn tự nguyện nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống dẫn đến cự cãi không hòa giải được. Hiện tại anh, chị không còn có thể sống chung với nhau được nữa, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/ 2014 đến nay.Trong thời gian ly thân anh X cũng không có thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm với chị M. Trước đây cũng như tại phiên tòa chị M vẫn yêu cầu ly hôn với anh X. Hội đồng

xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng chị M và anh X có mâu thuẫn đã lâu, thời gian sống ly thân một thời gian dài mà không tự hàn gắn lại được, chị M cương quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ tình cảm chị M dành cho anh X không còn. Anh X không có thiện chí hàn gắn tình cảm và đồng ý ly hôn với chị M. Từ đó cho thấy, hôn nhân vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn chị M là hoàn toàn chính đáng, phù hợp. Nhưng do anh X và chị M sống chung với nhau mà không có đăng ký kết hôn nên pháp luật không xem anh, chị là vợ chồng. Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn X.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian sống chung, chị M và anh X có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng T, sinh ngày 25/3/2003 và Phạm Tấn Đ, sinh ngày 16/01/2006. Hiện nay cháu T và cháu Đ đang sống với anh X. Sau khi ly hôn chị M đồng ý giao Phạm Thị Hồng T và Phạm Tấn Đ cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng, chị M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh X yêu cầu được nuôi cháu Phạm Thị Hồng T và Phạm Tấn Đ, yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, chị M đồng ý giao hai con cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng. Do cháu T và cháu Đ trên 07 tuổi theo quy định pháp luật nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, nên trong quá trình giải quyết Tòa án có làm việc với cháu Phạm Thị Hồng T và Phạm Tấn Đ, tại bản tự khai ngày 26/4/2017 cháu T và cháu Đ nguyện vọng được sống với anh X nên theo quy định pháp luật chấp nhận theo nguyện vọng của cháu T và cháu Đ sống với anh X là phù hợp. Ngoài ra công việc làm thợ hồ của anh X ổn định đảm bảo cho việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu T và cháu Đ cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Do đó buộc chị M phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ : Chị M và anh X trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn X.

2. Về nuôi con chung: Anh Phạm Văn X được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Thị Hồng T, sinh ngày 25/3/2003 và Phạm Tấn Đ, sinh ngày 16/01/2006. Hiện nay cháu T và cháu Đ đang sống với anh X.

Anh Phạm Văn X cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con chung cháu Phạm Thị Hồng T, sinh ngày 25/3/2003 và Phạm Tấn Đ, sinh ngày 16/01/2006 theo quy định pháp luật mỗi cháu là ½ mức lương cơ sở (mức lương cơ sở hiện tại là 1.300.000đồng) do Nhà nước quy định theo từng thời điểm, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2017 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị M và anh X trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000đồng theo biên lai số BN/2013 09071, ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Chị M còn phải nộp thêm số tiền là 300.000đồng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Quang Thông